

Bn án số: 49/2025/DS-ST

Ngày: 28 / 5 / 2025.

V/v: Tranh chấp hợp đồng vay tài sản.

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ RẠCH GIÁ

Với thành phần hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

- Chủ tọa phiên tòa: B Phạm Thị Thanh Loan - Thẩm phán
- Các hội thẩm nhân dân: 1. Bà Trần Lệ Nga
2. Ông Trần Đăng Khoa
- Thư ký Tòa án ghi biên Bn phiên tòa: Ông Nguyễn N Tú
- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Rạch Giá tham gia phiên tòa: Bà Vũ Thị Thu.

Ngày 28 tháng 5 năm 2025. Tại trụ sở Tòa án nhân dân Thành phố Rạch Giá xét xử sơ thẩm công khai theo thủ tục thông thường vụ án thụ lý số 350/2024/TLST-DS ngày 10/10/2024 về việc “Tranh chấp hợp đồng vay tài sản”. Theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 39/2025/QĐXXST-DS, ngày 24 tháng 4 năm 2025 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Bà **Lục Thanh N**, sinh năm 1965 (Có mặt)

Địa chỉ nơi cư trú: Số 68 Cao Văn L , phường Vĩnh H , TP. Rạch G , tỉnh Kiên Giang.

- Bị đơn: Ông **Bùi Văn B**, sinh năm 1943 (Vắng mặt)

- Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan: Bà **Cao Thị B1**, sinh năm 1947 (Vắng mặt)

Cùng địa chỉ: Số 720A Lâm Quang K , phường An H, thành phố Rạch G, tỉnh Kiên Giang.

NỘI DUNG VỤ ÁN

* **Tại đơn khởi kiện và trong quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn bà Lục Thanh N trình bày:** Vào ngày 06/10/2023 ông Bùi Văn B có vay của tôi số tiền 900.000.000 đồng, thời hạn vay là 6 tháng, lãi suất thỏa thuận 3%/tháng. Ông Bùi Văn B có giao cho tôi 01 Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số W514806, thửa đất số 192, tờ bản đồ số 10, diện tích 7672,00 m² đất tọa lạc tại ấp Minh Tân, xã Giục Tượng, huyện Châu Thành, tỉnh Kiên Giang do hộ ông Bùi Văn B đứng tên, mục đích để làm

tin cho số tiền vay 900.000.000 đồng. Nhưng từ khi vay tiền cho đến nay ông Bùi Văn B không trả tiền gốc và tiền lãi cho tôi. Nay tôi yêu cầu ông Bùi Văn B trả cho tôi số tiền 900.000.000 đồng và tiền lãi theo quy định của pháp luật từ ngày 06/10/2023 cho đến ngày xét xử.

* Tại phiên tòa: Bà N yêu cầu ông Bùi Văn B và bà Cao Thị B1 trả cho bà số tiền 900.000.000 đồng, không yêu cầu tính lãi.

* **Bị đơn ông Bùi Văn B:** Không có ý kiến bằng văn bản theo thông báo thụ lý hợp lệ của Tòa án và cũng không có mặt theo hai lần thông báo hòa giải, Quyết định đưa vụ án ra xét xử, Quyết định hoãn phiên tòa của Tòa án.

* **Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan bà Cao Thị B1:** Không có ý kiến bằng văn bản theo thông báo thụ lý hợp lệ của Tòa án và cũng không có mặt theo hai lần thông báo hòa giải, Quyết định đưa vụ án ra xét xử, Quyết định hoãn phiên tòa của Tòa án.

* **Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Rạch Giá phát biểu:**

Về tố tụng: Trong quá trình chuẩn bị xét xử cũng như tại phiên tòa, Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký Tòa án đều thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ của mình theo Bộ luật tố tụng dân sự đã quy định. Tuy nhiên, thời hạn chuẩn bị xét xử chưa đảm bảo thời hạn chuẩn bị xét xử theo quy định tại Điều 203 BLTTDS. Nguyên đơn thực hiện quyền và nghĩa vụ của mình theo quy định của pháp luật tố tụng dân sự. Riêng bị đơn, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan chưa thực hiện đúng theo quyền và nghĩa vụ tố tụng.

Quan điểm về việc giải quyết vụ án: Căn cứ khoản 2, 4 Điều 91 Bộ luật tố tụng dân sự, các Điều 4, 11, 463, khoản 4 Điều 466 Bộ luật dân sự năm 2015 phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà N yêu cầu vợ chồng ông B, bà B1 phải trả 900.000.000 đồng là có căn cứ chấp nhận một phần (Không có cơ sở chấp nhận yêu cầu buộc trách nhiệm liên đới trả nợ của bà B1).

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa. Hội đồng xét xử nhận định như sau:

Về thủ tục tố tụng: Các đương sự tranh chấp với nhau về việc vay tài sản. Xác định đây là quan hệ pháp luật “Tranh chấp hợp đồng vay tài sản”. Căn cứ theo quy định tại khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35 và Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố Rạch Giá. Đối với bị đơn ông Bùi Văn B và người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan bà Cao Thị B1 Tòa án đã tiến hành triệu tập hợp lệ nhiều lần nhưng tại phiên tòa hôm nay tiếp tục vắng mặt không lý do. Căn cứ vào quy định tại Khoản 2 Điều 227, Khoản 3 Điều 228, Điều 233 Bộ luật tố

tụng dân sự tiến hành xét xử vắng mặt ông B và bà B1 nhưng vẫn đảm bảo quyền và lợi ích hợp pháp cho họ theo quy định pháp luật.

Về nội dung vụ án:

[1] Xét yêu cầu khởi kiện của bà Lục Thanh N yêu cầu ông Bùi Văn B, bà Cao Thị B1 có nghĩa vụ thanh toán số tiền nợ gốc 900.000.000 đồng. Căn cứ vào tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ và lời khai của đương sự trong quá trình giải quyết vụ án, có cơ sở xác định: Vào ngày 06/10/2023 ông B có vay của bà N số tiền 900.000.000 đồng, không có thỏa thuận lãi suất, thời hạn vay 06 tháng; Ngoài ra, ông B còn giao cho bà N 01 Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số W514806, thửa đất số 192, tờ bản đồ số 10, diện tích 7672,00 m² đất tọa lạc tại ấp Minh Tân, xã Giục Tượng, huyện Châu Thành, tỉnh Kiên Giang do hộ ông Bùi Văn B đứng tên, mục đích để làm tin cho số tiền vay 900.000.000 đồng. Việc vay mượn tiền giữa 02 bên có làm biên nhận có chữ ký tên của người vay là ông Bùi Văn B. Tại phiên tòa bà N cho rằng khi giao dịch đưa tiền và làm biên nhận bà B1 không có ở nhà nên biên nhận nợ không có chữ ký nhận nợ của bà B1. Trong quá trình giải quyết vụ án ông B, bà B1 đều vắng mặt nên không có cơ sở xác định đây là khoản nợ chung của ông B và bà B1 nên không có cơ sở xem xét trách nhiệm liên đới trả nợ của bà B1.

[2] Trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa, bị đơn ông Bùi Văn B và người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan bà Cao Thị B1 được Tòa án tổng đạt các văn bản tố tụng, thể hiện rõ nội dung vụ án và yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Tuy nhiên, ông B và bà B1 vắng mặt không lý do và cũng không cung cấp lời khai, ý kiến của mình đối với yêu cầu của nguyên đơn bà Lục Thanh N.

[3] Theo quy định tại Điều 463 Bộ luật dân sự năm 2015 thì: “Hợp đồng vay tài sản là sự thỏa thuận giữa các bên, theo đó bên cho vay giao tài sản cho bên vay; khi đến hạn trả, bên vay phải hoàn trả cho bên cho vay tài sản cùng loại theo đúng số lượng, chất lượng và chỉ phải trả lãi nếu có thỏa thuận hoặc pháp luật có quy định”. Và tại khoản 1 Điều 466 Bộ luật dân sự năm 2015 thì: “Bên vay tài sản là tiền thì phải trả đủ tiền khi đến hạn...” Quá trình thực hiện hợp đồng vay tài sản nguyên đơn đã giao tài sản cho bị đơn nhưng cho đến nay bị đơn chưa thanh toán tiền đủ cho nguyên đơn.

Do đó, trong nghị án Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của bà N, buộc ông B phải trả cho bà N số tiền gốc 900.000.000 đồng là hoàn toàn có căn cứ, phù hợp với quy định của pháp luật. Ghi nhận sự tự nguyện của bà N đồng ý trả lại cho ông B 01 Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số W514806, thửa đất số 192, tờ bản đồ số 10, diện tích 7672,00 m² đất tọa lạc tại ấp Minh Tân, xã Giục Tượng, huyện Châu Thành, tỉnh Kiên Giang do hộ ông Bùi Văn B đứng tên (Bản gốc).

[4] Về lãi suất: Tại phiên tòa nguyên đơn rút yêu cầu về phân lãi, nên Hội đồng xét xử đình chỉ đối với yêu cầu này.

[5] Về án phí: Căn cứ Khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy Bn thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án thì ông Bùi Văn B phải chịu án phí dân sự sơ thẩm với số tiền là: 39.000.000 đồng {36.000.000 đồng + 100.000.000 đồng x 3%}).

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 91, Điều 92, Điều 147, Điều 266, Điều 233, khoản 2 Điều 244 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Áp dụng Điều 463, Điều 466 Bộ luật dân sự năm 2015.

Tuyên xử:

1. Đình chỉ đối với yêu cầu tính lãi của nguyên đơn bà Lục Thanh N.
2. Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Lục Thanh N đối với bị đơn ông Bùi Văn B, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan bà Cao Thị B1 về việc tranh chấp hợp đồng vay tài sản.

3 Buộc ông Bùi Văn B phải trả cho bà Lục Thanh N số tiền 900.000.000 đồng (Chín trăm triệu đồng).

Kể từ ngày bản án, quyết định có hiệu lực pháp luật hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi trên số tiền cần phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự.

4. Ghi nhận sự tự nguyện của bà N đồng ý trả lại cho ông B 01 Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số W514806, thửa đất số 192, tờ bản đồ số 10, diện tích 7672,00 m² đất tọa lạc tại ấp Minh Tân, xã Giục Tượng, huyện Châu Thành, tỉnh Kiên Giang do hộ ông Bùi Văn B đứng tên (Bản gốc).

5. Về án phí: Buộc ông Bùi Văn B phải chịu án phí dân sự sơ thẩm giá ngạch là 39.000.000 đồng nộp tại Chi cục thi hành án thành phố Rạch Giá.

Trả lại cho bà Lục Thanh N tiền tạm ứng án phí đã nộp số tiền 19.500.000 đồng theo biên lai thu tiền số 0007523 ngày 24/9/2024 của Chi cục thi hành án thành phố Rạch Giá.

6. Quyền kháng cáo: Nguyên đơn có quyền kháng cáo Bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm. Riêng bị đơn, người có quyền lợi nghĩa vụ liên

quan có quyền kháng cáo Bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc được niêm yết.

Trường hợp Bản án được thi hành theo qui định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các điều 6,7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo qui định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

**TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nơi nhận:

- VKSND TP.Rạch Giá
- TAND Tỉnh Kiên Giang
- VKSND Tỉnh Kiên Giang
- CQTHA TP.Rạch Giá
- Các đương sự
- Lưu hồ sơ.

Phạm Thị Thanh Loan